

TP.HCM, ngày 13 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301427564
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP.HCM
- Điện thoại: 08.3754 7999; Fax: 08.3754 7996
- Website: www.duocphongphu.com.vn – www.duocphongphu.vn
- Mã cổ phiếu: PPP

2. Quá trình hình thành và phát triển:

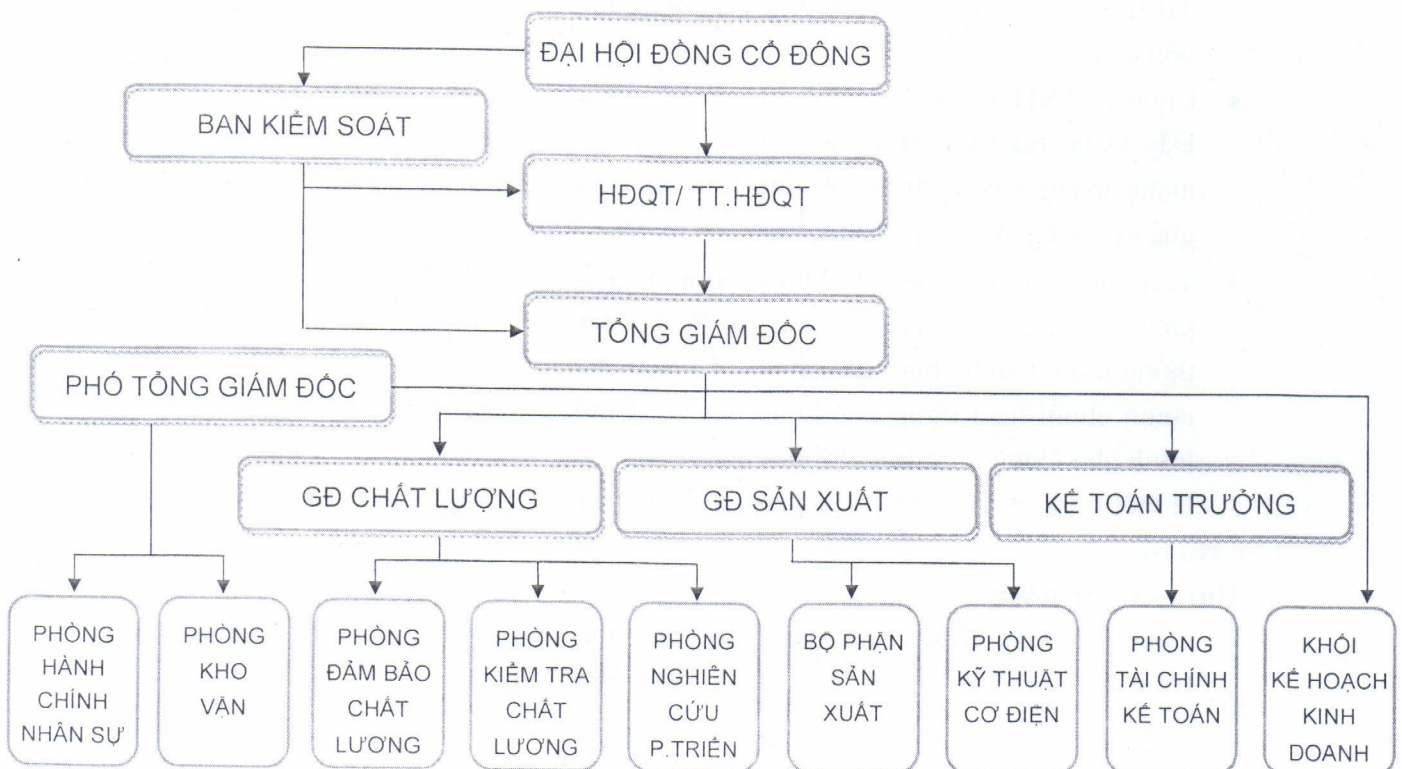
- Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú được thành lập ngày 20/08/2000, theo quyết định số 8030/QĐ-UB-KT ký ngày 28/12/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời điểm niêm yết: 18/07/2011.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất kinh doanh thuốc và thực phẩm chức năng.
- Địa bàn kinh doanh: toàn quốc

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý: theo sơ đồ tổ chức dưới đây:



- Công ty con: Công ty TNHH Usar Việt Nam
 - Địa chỉ: Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP.HCM
 - Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn và bán lẻ thuốc
 - Công ty Phong Phú góp 100% tổng số vốn điều lệ 2.000.000.000 đ (Hai tỷ đồng)

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nhà máy sản xuất đã hoạt động ổn định và đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Tuy nhiên, danh mục sản phẩm được phép sản xuất chưa nhiều, chưa sử dụng hết công suất sản xuất của máy móc thiết bị đã đầu tư, trong đó, tỷ lệ Tổng sản phẩm tân dược/ Tổng sản phẩm được phép sản xuất vẫn còn thấp. Mục tiêu của Công ty trong năm 2017 là tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, sản phẩm đặc trị để đa dạng hóa sản phẩm, sử dụng hết công suất máy móc, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty trên thị trường. Song song đó, việc xây dựng đội ngũ kinh doanh ngày càng có chất lượng về chuyên môn, xây dựng mạng lưới phân phối rộng khắp trên cả nước là mục tiêu quan trọng nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Xây dựng chiến lược kinh doanh và định hướng phát triển sản phẩm trong giai đoạn 2017-2020 phù hợp với tình hình thực tế, năng lực sản xuất của Công ty và nhu cầu của thị trường. Đặc biệt giữ vững các thị trường truyền thống và chú trọng phát triển các thị trường mới, tiềm năng.
 - Tăng cường mở rộng hợp tác với khách hàng trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, đặc biệt chú trọng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, thực phẩm chức năng.
 - Tập trung xây dựng thương hiệu USAR của Nhà máy sản xuất dược phẩm USARICHPHARM đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.
 - Hoàn thành xây dựng Giai đoạn 2 dây chuyền sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, nhằm đa dạng hóa sản phẩm, cũng như phát huy thế mạnh vốn có của Công ty.
 - Công ty TNHH USAR Việt Nam có kết quả kinh doanh khả quan kể từ ngày thành lập. Đây là tín hiệu tốt chứng tỏ chính sách của Công ty hợp lý. Vì vậy, việc tiếp tục đẩy mạnh mạng lưới kinh doanh, mở rộng thị phần, quảng bá sản phẩm của Công ty thông qua hệ thống Hiệu thuốc trực thuộc phân phối lẻ cần được duy trì và phát triển.
 - Từng bước tiếp tục hoàn thiện hệ thống hoạt động hoàn chỉnh, xuyên suốt và khép kín từ khâu sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, khâu phân phối đạt tiêu chuẩn GDP đến hệ thống kinh doanh chuỗi hiệu thuốc đạt tiêu chuẩn GPP của Công ty. Việc xây dựng hoàn chỉnh chuỗi hoạt động liên hoàn này sẽ đem lại những thế mạnh mới, tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty nhưng đòi hỏi nhiều thời gian, nguồn nhân lực và tài chính. Đây chính là một trong những mục tiêu quan trọng, lâu dài mà Công ty hướng đến trong tương lai.

6. Các rủi ro:

a. Rủi ro thị trường:

- Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

- Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay phát hành theo lãi suất cố định.

b. Rủi ro tín dụng:

- Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.
- Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam, mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

c. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền, chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
- Công ty quản lý rủi ro thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền, phù hợp với các khoản vay ở mức đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.
- Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	122.798.115.756	101.563.020.090
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.893.760.835	2.249.248.210
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.904.354.921	99.313.771.880
4. Giá vốn hàng bán	97.449.861.210	80.544.202.573
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.454.493.711	18.769.569.307
6. Doanh thu hoạt động tài chính	175.831.088	475.132.607
7. Chi phí tài chính	106.064.584	1.134.544.655
Trong đó: Chi phí lãi vay	106.064.584	975.877.776
8. Chi phí bán hàng	3.263.164.030	4.555.418.640
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.993.688.505	7.232.593.145
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.267.407.680	6.322.145.474
11. Thu nhập khác	237.441.169	93.229.522
12. Chi phí khác	795.860.201	81.045.210
13. Lợi nhuận khác	-558.419.032	12.184.312
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.708.988.648	6.334.329.786
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.626.792.766	1.521.986.456
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.082.195.882	4.812.343.330
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		-

18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	8.082.195.882	4.812.343.330
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.233	909

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ hoàn thành
Vốn điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100%
Doanh thu thuần	120.000.000.000	120.904.354.921	100,75%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	8.275.000.000	10.267.407.680	124,07%
Lợi nhuận khác	0	-558.419.032	-
Lợi nhuận sau thuế	6.620.000.000	8.082.195.882	122,08%
Tỷ lệ chi trả cổ tức/ mệnh giá cổ phần (%)	800	800	100%
Số CB-CNV (người)	150	249	166%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHUYÊN MÔN	SỐ CP	TỶ LỆ
1	Thái Nhã Ngôn	Tổng Giám đốc	Cử nhân QTKD	2.676.891	44,61%
2	Hồ Vinh Hiển	Phó Tổng Giám đốc	Dược sĩ	311.900	5,2%
3	Phan Văn Hân	GD Sản xuất	Dược sĩ	0	0%
4	Ngô Thị Xuân Phượng	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán	0	0%

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHUYÊN MÔN	SỐ CP	TỶ LỆ	NỘI DUNG THAY ĐỔI
1	Nguyễn Minh Hùng	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán	1.000	0,01%	Miễn nhiệm
2	Nguyễn Văn Hùng	GD Chất lượng	Dược sĩ	1.000	0,01%	Miễn nhiệm
3	Phan Văn Hân	GD Sản xuất	Dược sĩ	0	0%	Bỏ nhiệm
4	Ngô Thị Xuân Phượng	Kế toán trưởng	Cử nhân Kế toán	0	0%	Bỏ nhiệm

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 249 người. Trong đó:

- Ban Điều hành: 04 người
- Phòng Hành chính Nhân sự: 05 người
- Phòng Tài chính Kế toán: 07 người
- Phòng Kinh doanh: 86 người
- Phòng Kế hoạch: 03 người
- Phòng Kho vận: 15 người
- Phòng Nghiên cứu phát triển: 07 người
- Phòng Kỹ thuật Cơ điện: 07 người

- Phòng Đảm bảo chất lượng: 13 người
 - Phòng Kiểm tra chất lượng: 14 người
 - Bộ phận sản xuất: 88 người.
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
- **Chế độ làm việc:**
 - Thời giờ làm việc của Nhân viên công ty là 48 giờ/ tuần. Tùy theo kế hoạch sản xuất kinh doanh, người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận làm thêm giờ. Chế độ làm thêm giờ được thực hiện theo quy định của Công ty trên cơ sở quy định của Luật Lao động.
 - Hàng năm, công nhân trực tiếp sản xuất được cung cấp từ 02-03 bộ đồ bảo hộ lao động. Công ty luôn tạo điều kiện môi trường vệ sinh công nghiệp tốt cho khu vực sản xuất trực tiếp. Bộ phận văn phòng được trang bị đầy đủ thiết bị quản lý cho nhân viên thực hiện công việc đạt hiệu quả.
 - **Chính sách đào tạo:**
 - Đào tạo về chuyên môn: Công ty luôn động viên và có chính sách gửi nhân viên tham gia các lớp về chuyên môn nghiệp vụ ngành từ sơ cấp, trung cấp, đại học,... tùy theo tính yêu cầu công việc cần đào tạo Công ty tạo điều kiện về thời gian học tập.
 - Đào tạo về quản lý: Thực hiện nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý, Công ty có chính sách đưa nhân viên tham gia các lớp quản lý ngắn ngày, theo chuyên đề phục vụ cho công việc quản lý như: Chứng khoán, quản lý dự án, quản lý sản xuất, các lớp tiêu chuẩn ngành dược: GMP-GLP-GSP-GDP-GPP.
 - Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:
 - ✓ Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
 - ✓ Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình của Công ty.
 - **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**
 - Chính sách lương: Công ty xây dựng hệ thống thang bảng lương rõ ràng, minh bạch theo quy định pháp luật và thực tế tại đơn vị. Mức lương quy định luôn cao hơn mức quy định của Nhà nước. Việc xét nâng lương cũng được quy định rõ, để người lao động được biết và thực hiện. Ngoài việc nâng lương định kỳ, lao động được nâng lương trước thời hạn khi có thành tích tốt trong học tập và lao động.
 - Chính sách thưởng: Công ty có quy chế thi đua khen thưởng, nhằm khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty. Công ty có chính sách bình chọn các danh hiệu thi đua như: tập thể tiên tiến, tập thể xuất sắc, cá nhân tiên tiến, cá nhân xuất sắc,... kèm theo những danh hiệu được bình chọn, các tập thể, cá nhân đạt thành tích còn được nhận giải thưởng bằng hiện vật và hiện kim. Trong một số trường hợp, đối với cá nhân đạt thành tích tốt còn được xem xét nâng lương trước thời hạn.
 - Bảo hiểm và phúc lợi: 100% CB-CNV Công ty được hưởng đầy đủ chế độ BHXH-BHYT-BHTN đúng quy định hiện hành. Chế độ nghỉ phép được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành. Các mức chi thăm hỏi, hiếu, hỷ, trợ cấp

khó khăn cho người lao động được trích từ Quỹ phúc lợi. Hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch bằng quỹ phúc lợi trích lại hàng năm.

- o Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo định kỳ mỗi năm một lần. Ngoài ra, tập thể Người lao động được mua bảo hiểm tai nạn 24/24.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a. Các khoản đầu tư lớn: Công ty đang tập trung nhiều nguồn lực để tiến hành xây dựng Giai đoạn 2 dây chuyền sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.
- b. Các công ty con, công ty liên kết: Tổng kết năm 2016, Công ty TNHH Usar Việt nam (là công ty con, 100% vốn của Công ty) mang lại lợi nhuận hơn 1,2 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/ Giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
- Tổng giá trị tài sản	117.418.750.050	131.714.344.836	12,18%
- Doanh thu thuần	99.313.771.880	120.904.354.921	21,74%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.322.145.474	10.267.407.680	62,40%
- Lợi nhuận khác	12.184.312	-558.419.032	-44,83%
- Lợi nhuận trước thuế	6.334.329.786	9.708.988.648	53,26%
- Lợi nhuận sau thuế	4.812.343.330	8.082.195.882	67,96%
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	909	1.233	35,64%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,12	1,086	
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,71	0,67	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,54	0,43	
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,16	0,78	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	5,14	5,17	
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,85	0,92	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	4,85%	6,68%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	8,87%	10,93%	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	4,1%	6,14%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Số và Loại cổ phần đang lưu hành			Tình trạng chuyển nhượng			
Phổ thông	Khác	Tổng	Tự do	Hạn chế	Tổng	Ghi chú
6.000.000	-	6.000.000	4.500.000	1.500.000	6.000.000	Số CP bị hạn chế do hạn chế theo quy định pháp luật và cam kết của chủ sở hữu

b. Cơ cấu cổ đông: (Cổ đông lớn – Cổ đông nhỏ; Cổ đông tổ chức – Cổ đông cá nhân; Cổ đông trong nước – Cổ đông nước ngoài; Cổ đông Nhà nước - các cổ đông khác)

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	- Cổ đông lớn:	3.559.951	59,33%
	- Cổ đông nhỏ:	2.440.049	40,67%
	- Tổng:	6.000.000	100%
2	- Cổ đông tổ chức:	32.130	0,54%
	- Cổ đông cá nhân:	5.967.870	99,46%
	- Tổng:	6.000.000	100%
3	- Cổ đông trong nước:	5.997.200	99,95%
	- Cổ đông nước ngoài:	2.800	0,05%
	- Tổng:	6.000.000	100%
4	- Cổ đông nhà nước:	0	0%
	- Cổ đông khác:	6.000.000	100%
	- Tổng:	6.000.000	100%

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Năm 2016 vốn điều lệ Công ty thay đổi, từ 45.000.000đ (Bốn mươi lăm tỷ đồng) lên 60.000.000đ (Sáu mươi tỷ đồng).

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có.

e. **Các chứng khoán khác:** không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 đã đạt một số chỉ tiêu chính, các chỉ tiêu về sản xuất và bán hàng dù chưa đạt như kỳ vọng nhưng một số chỉ tiêu về tài chính vượt xa kế hoạch đề ra, trong đó lợi nhuận sau thuế vượt hơn 22,08% so với kế hoạch. Một số nguyên nhân chủ yếu để đạt được kết quả như trên như sau:
 - Ban lãnh đạo Công ty sâu sát hơn trong công tác đào tạo và quản lý nhân viên, kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình hoạt động.
 - Công tác quản lý chi phí được thực hiện tốt, đảm bảo những khoản chi phí là cần thiết và hợp lý.
- Tuy nhiên, năm qua Công ty vẫn gặp một số vấn đề khó khăn như sau:
 - Các Hiệu thuốc trực thuộc gặp nhiều khó khăn do tình hình kinh tế khó khăn chung cũng như sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng lớn.

- Chi phí tài chính vẫn còn ở mức cao do Công ty phải trả chi phí lãi vay cho khoản vay đầu tư xây dựng nhà máy.
- Những tiến bộ công ty đã đạt được:
 - Nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO tại khu công nghiệp Tân Tạo mặc dù chưa hoạt động hết công suất do còn hạn chế về danh mục sản phẩm được phép sản xuất, nhưng dần đi vào ổn định;
 - Đội ngũ Cán bộ và công nhân viên ổn định và có trình độ chuyên môn phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài sản:** Năm qua, công tác quản lý sử dụng tài sản được thực hiện tốt, hiệu quả. Nợ phải thu xấu, tài sản xấu không đáng kể và không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tình hình nợ phải trả:** Tổng nợ phải trả vẫn còn ở mức cao do chủ yếu từ việc vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy. Tuy nhiên, Công ty vẫn kiểm soát tốt và thanh toán đúng kỳ hạn và không để tình hình nợ phải trả ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2016 cơ cấu tổ chức của Công ty có một số thay đổi phù hợp với tình hình thực tế, bao gồm cả những thay đổi đối với nhân sự quản lý cấp cao và cấp trung gian. Tuy nhiên, không chỉ thay đổi thuần túy về mặt tổ chức, tất cả các cá nhân từ cấp quản lý đến nhân viên, các bộ phận đều có sự phân công phân nhiệm rõ ràng để biết và thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị thống nhất kế hoạch và định hướng phát triển trong tương lai như sau:

- Hình thành các dòng sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường và phù hợp với vị thế hiện tại của Công ty.
- Tiếp tục giữ vững và duy trì thị trường các sản phẩm Đông dược truyền thống. Chuẩn bị các phương án cần thiết nhằm đảm bảo việc sản xuất và kinh doanh dòng sản phẩm này tiếp tục phát triển bền vững.
- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển dòng sản phẩm TPCN và TPBS, đặc biệt xây dựng nhóm sản phẩm có giá trị, chất lượng cao tại nhà máy USARICHPHARM.
- Tập trung phát triển các sản phẩm tân dược gắn liền với thương hiệu nhà máy USARICHPHARM đạt tiêu chuẩn GMP-WHO. Đây là hướng phát triển trọng tâm của Công ty trong thời gian tới.
- Tập trung đầu tư nguồn nhân lực cho các bộ phận Nghiên cứu phát triển, Đảm bảo chất lượng và Kiểm tra chất lượng; đẩy mạnh việc nghiên cứu sản phẩm mới mang giá trị cao gắn liền với thương hiệu nhà máy.
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.
- Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các đối tác truyền thống. Song song đó, mở rộng việc hợp tác sản xuất kinh doanh với các đối tác mới tìm kiếm cơ hội nhượng quyền sản phẩm từ các đối tác nước ngoài.

- Đẩy mạnh hoạt động của Công ty TNHH USAR Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển các kênh phân phối đặc thù của Công ty, củng cố và xây dựng lại hệ thống hiệu thuốc Công ty phát triển bền vững và đạt hiệu quả cao.
 - Hoàn thành xây dựng Gia đoạn 2 - Dây chuyền sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu và sớm đi vào hoạt động.
5. **Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán, nếu có** (trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động của Công ty trong năm 2016 vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành dược nói riêng.
- Một số chỉ tiêu chính về sản xuất và bán hàng dù chưa đạt như kỳ vọng nhưng một số chỉ tiêu về tài chính vượt xa kế hoạch đề ra, trong đó lợi nhuận sau thuế vượt hơn 67,96 % so với kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Với cơ cấu nhân sự mới của Ban Tổng Giám đốc hiện tại thì hoạt động của được đánh giá là có hiệu quả và đáng khích lệ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Các kế hoạch, định hướng như kế hoạch định hướng đã nêu trên.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP	TỶ LỆ	CHỨC DANH TẠI CÔNG TY CON
1	Thái Nhã Ngôn	CT. HĐQT Tổng GD	2.676.891	44,61%	
2	Hồ Vinh Hiến	PCT. HĐQT Phó TGD	311.900	5,19%	P.CT HĐTV
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TV. HĐQT	0	0%	Chủ tịch HĐTV
4	Lê Thanh Trúc	TV. HĐQT	571.160	9,51%	-
5	Tô Thái Hân	TV. HĐQT	138.700	2,31%	-

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không phân chia theo các tiểu ban cụ thể.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Năm 2016 Hội đồng quản trị có 10 buổi họp với sự tham dự đầy đủ các thành viên.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Có 03/05 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành tại Công ty. Tuy nhiên, các thành viên này

luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để đóng góp ý kiến về những vấn đề thuộc quyền của Hội đồng quản trị.

e. **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** không có.

f. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

- Ông Thái Nhã Ngôn
- Ông Hồ Vinh Hiền

2. Ban Kiểm soát:

a. **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP	TỶ LỆ
1	Hứa Thị Duyên Khoe	Trưởng Ban kiểm soát	400	0,0066%
2	Nguyễn Văn Chắc	Thành viên BKS	400	0,0066%
3	Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên BKS	151.000	2,51%
TỔNG CỘNG			151.800	2,53%

b. **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát được mời và tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm, tham gia ý kiến đóng góp trong công tác quản trị Công ty. Ban kiểm soát có những cuộc họp độc lập để đề ra phương hướng nhiệm vụ phù hợp với tình hình công ty.
- Ban kiểm soát giám sát bộ phận kế toán và bộ phận khác có liên quan trong công tác kiểm kê thực tế tồn kho nguyên liệu, hàng hóa vào kỳ kiểm kê theo quy định Công ty.
- Tham gia cùng công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính định kỳ 06 tháng và của cả năm 2016.
- Lập các báo cáo và góp ý cùng Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động còn tồn tại cần khắc phục của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

a. **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (ngàn đồng/ tháng):**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	LƯƠNG	PHỤ CẤP	THÙ LAO	TỔNG
1	Thái Nhã Ngôn	CT. HĐQT	27.000		5.000	32.000
2	Hồ Vinh Hiền	PCT. HĐQT	24.000	7.500	4.500	36.000
3	Nguyễn Thị Bích Ngọc	TV. HĐQT	15.000	8.000	4.000	27.000
4	Lê Thanh Trúc	TV. HĐQT			4.000	4.000
5	Tô Thái Hân	TV. HĐQT			4.000	4.000
7	Hứa Thị Duyên Khoe	Trưởng BKS	7.000		4.000	11.000
8	Nguyễn Văn Chắc	TV. BKS	10.200		3.500	13.700
9	Phạm Thị Minh Tâm	TV. BKS	11.000		3.500	11.500
TỔNG CỘNG			94.200	15.500	32.500	142.200

Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hoá bằng tiền khác: không có.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Tên nhà đầu tư	CHỨC DANH	SL CP TRƯỚC KHI THAY ĐỔI	SL CP THAY ĐỔI (+/-)	SL CP SAU KHI THAY ĐỔI	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Thái Nhã Ngôn	CT. HĐQT Tổng GD	1.701.891	975.000	2.676.891	44,61%
2	Hồ Vinh Hiến	PCT. HĐQT Phó Tổng GD	281.900	30.000	311.900	5,19%
3	Lê Thanh Trúc	TV. HĐQT	151.160	420.000	571.160	9,51%
4	Phạm Thị Minh Tâm	TV. BKS	101.000	50.000	151.000	2,51%

Ghi chú: sau đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2016

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Trong năm Công ty không ký kết hợp đồng hoặc thực hiện các giao dịch với các Cổ đông nội bộ hoặc người liên quan đến các cổ đông nội bộ.
- d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công tác quản trị Công ty trong năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- Địa chỉ: Cao ốc Indochina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 08. 22200237; Fax: 08. 22200265

Số: 89/2016/BCKTHN-HCM.00623

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú và công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2111-2013-009-1

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1180-2014-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

a. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN			
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	54,779,296,947	44,996,419,986
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	14,168,035,416	10,538,236,849
Tiền	111	14,168,035,416	3,538,236,849
Các khoản tương đương tiền	112	-	7,000,000,000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
Chứng khoán kinh doanh	121	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	18,855,594,873	17,777,782,805
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	13,338,452,959	16,116,948,718
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4,935,888,653	171,228,709
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	581,253,261	1,489,605,378
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-
Hàng tồn kho	140	21,107,714,221	16,324,633,462
Hàng tồn kho	141	21,339,823,666	16,324,633,462
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(232,109,445)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	647,952,437	355,766,870
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	87,584,361	224,173,987
Thuế GTGT được khấu trừ	152	560,368,076	12,194,227

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	119,398,656
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
TÀI SẢN			
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	76,935,047,889	72,422,330,064
Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213	-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
Phải thu dài hạn khác	216	-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
Tài sản cố định	220	70,428,437,903	71,300,706,282
Tài sản cố định hữu hình	221	48,890,620,569	51,139,483,301
	222	67,384,783,826	66,493,482,008
	223	(18,494,163,257)	(15,353,998,707)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
	225	-	-
	226	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	21,537,817,334	20,161,222,981
	228	23,910,406,901	21,965,117,967
	229	(2,372,589,567)	(1,803,894,986)
Bất động sản đầu tư	230	-	-
Nguyên giá	231	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	5,727,109,980	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5,727,109,980	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
Đầu tư vào công ty con	251	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
Tài sản dài hạn khác	260	779,500,006	1,121,623,782
Chi phí trả trước dài hạn	261	779,500,006	1,121,623,782
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
Tài sản dài hạn khác	268	-	-
Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	131,714,344,836	117,418,750,050
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ	300	57,795,825,235	63,141,706,742
Nợ ngắn hạn	310	50,441,287,909	40,310,706,742
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18,337,687,615	16,570,358,081
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5,562,129,803	3,912,235,530
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	497,931,164	128,135,190
Phải trả người lao động	314	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	34,642,545	617,892,571
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	53,077,887	6,602,438
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25,281,199,708	18,560,000,000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-

		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	674,619,187	515,482,932
Quỹ bình ổn giá	323	-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
Nợ dài hạn	330	7,354,537,326	22,831,000,000
Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
Phải trả dài hạn khác	337	1,381,500,000	1,431,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5,973,037,326	21,400,000,000
Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	73,918,519,601	54,277,043,308
Vốn chủ sở hữu	410	73,918,519,601	54,277,043,308
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	60,000,000,000	45,000,000,000
	411a	60,000,000,000	45,000,000,000
	411b	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	2,205,500,000	2,205,500,000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	-	-

Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	3,427,994,232	2,619,774,643
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8,285,025,369	4,451,768,665
	421a	1,819,268,665	852,511,167
	421b	6,465,756,704	3,599,257,498
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	-
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
Nguồn kinh phí	431	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	131,714,344,836	117,418,750,050

b. Kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	122,798,115,756	101,563,020,090
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1,893,760,835	2,249,248,210
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120,904,354,921	99,313,771,880
Giá vốn hàng bán	11	6.3	97,449,861,210	80,544,202,573
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23,454,493,711	18,769,569,307
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	175,831,088	475,132,607

Chi phí tài chính	22	6.5	106,064,584	1,134,544,655
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		106,064,584	975,877,776
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.6	3,263,164,030	4,555,418,640
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	9,993,688,505	7,232,593,145
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,267,407,680	6,322,145,474
Thu nhập khác	31		237,441,169	93,229,522
Chi phí khác	32	6.8	795,860,201	81,045,210
Lỗ khác	40		(558,419,032)	12,184,312
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,708,988,648	6,334,329,786
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.12	1,626,792,766	1,521,986,456
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,082,195,882	4,812,343,330
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8,082,195,882	4,812,343,330
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1,233	909
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

c. Lưu chuyển tiền tệ:

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01		

9,708,988,648 6,334,329,786

Điều chỉnh cho các khoản

Khấu hao tài sản cố định	02	3,708,859,131	3,659,562,692
Các khoản dự phòng	03	232,109,445	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	158,666,879
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(175,831,088)	(475,132,607)
Chi phí lãi vay	06	106,064,584	975,877,776
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	13,580,190,720	10,653,304,526
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2,650,175,145)	(921,064,532)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5,015,190,204)	(1,318,042,369)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3,812,798,463	(2,492,812,672)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	478,713,402	786,464,735
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(106,064,584)	(976,447,665)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,165,389,206)	(792,568,033)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(649,083,334)	(40,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	8,285,800,112	4,898,833,990
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(8,563,700,732)	(561,178,090)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(7,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	11,000,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	193,108,866	475,132,607

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8,370,591,866)	3,913,954,517
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15,000,000,000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	32,370,902,096	49,060,000,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(41,076,665,062)	(57,780,000,000)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,579,646,713)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3,714,590,321	(8,720,000,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	10,538,236,849	10,445,448,342
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70	14,168,035,416	10,538,236,849

d. **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính:** Toàn bộ Bản báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 (kể cả bản thuyết minh Báo cáo tài chính) của Công ty đã được kiểm toán được công bố trên các trang web của Công ty: www.duocphongphu.com.vn; - www.duocphongphu.com.vn

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDK HN (HNX);
- HDQT; BKS, Ban TGD;
- Lưu công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC



THÁI NHÃ NGÔN